

	4.2. Tính đối xứng của hình phẳng.	2 0,5đ C8;C11								
	4.3.Chu vi và diện tích của một số loại tứ giác			1 0,25 C12	1 1,5đ C4				1 C5	
Tổng		7		6		6		1		
Tỉ lệ (%)		35%		30%		30%		5%		100%
Tỉ lệ chung (%)			65%			35%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
Môn Toán 6 – Năm học 2022 – 2023 (Thời gian 90 phút)

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương I	1.1. Tập hợp	Nhận biết: Nhận biết được mối quan hệ của 1 phần tử và 1 tập hợp. (câu 1 – TN)	1			
		1.2. Lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: Hiểu được khái niệm về lũy thừa. (câu 2 - TN) Thông hiểu: Áp dụng được công thức chia hai lũy thừa có cùng cơ số. (câu 1 - TL ý b)	1	1		
2	Chương II	2.1. Quan hệ chia hết - tính chất- số nguyên tố	Nhận biết: - Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 5, dấu hiệu chia hết của 1 tổng. (câu 3 - TN) - Nhận biết một số là số nguyên tố hoặc hợp số (câu 5-TN) Vận dụng: tìm số nguyên tố thỏa mãn điều kiện cho trước (câu 10 – TN)	2		1	
		2.2. Ước chung- Bội chung	Vận dụng: Vận dụng ƯCLN để giải toán thực tế (câu 3 - TL)			1	
3	Chương III	Tập hợp các số nguyên. Các phép tính cộng- trừ- nhân- chia số nguyên	Thông hiểu: - Hiểu được quy tắc dấu ngoặc, các tính chất của các phép tính. (Câu 1- TL ý a,c; câu 2 - TL ý a,b). - Áp dụng được quy tắc cộng hai số nguyên (Câu 6 – TN). Vận dụng: - Viết tập hợp các số nguyên thỏa mãn yêu cầu cho trước (Câu 7 – TN). - Vận dụng tìm x (Câu 9 –TN).		5	2	
4	Chương IV	4.1. Một số hình	Nhận biết: Tính chất Hình bình hành.	1			

	học phẳng	(câu 4- TN)				
	4.2. Tính đối xứng của hình phẳng.	Nhận biết: Tính đối xứng của một số hình (Câu 8 – TN; Câu 11 – TN)	2			
	4.3.Chu vi và diện tích của một số loại tứ giác	Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Công thức tính diện tích hình thang cách đổi đơn vị (câu 4 - TL). - Chu vi hình vuông (Câu 12 - TN) Vận dụng cao: Công thức diện tích hình chữ nhật, hình thoi. (Câu 5 – TL)		2		1
Tổng			7	8	4	1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - TOÁN 6

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm).

Chọn đáp án đúng và ghi vào tờ giấy thi

Câu 1. [NB] Cho tập hợp $A = \{1; 2; 4; 8\}$ Cách viết nào sau đây là đúng.

- A. $1 \notin A$. B. $\{2; 4\} \in A$. C. $8 \subset A$. D. $4 \notin A$.

Câu 2. [NB] Phép nhân $3.3.3.3.3.3$ được viết thành

- A. 3. B. 3^6 . C. 6^3 . D. 18.

Câu 3. [NB] Tổng nào sau đây chia hết cho 5

- A. $11 + 2021$. B. $2020 + 2021$. C. $2010 + 2015 + 2020$. D. $2020 + 2025 + 2019$.

Câu 4. [NB] Trong hình bình hành nhận xét nào sau đây là sai?

- A. Các cạnh đối bằng nhau. B. Các góc đối bằng nhau.
C. Hai đường chéo vuông góc. D. Các cạnh đối song song với nhau.

Câu 5. [NB] Cho các số 7; 13; 16; 23 số không là số nguyên tố là

- A. 7. B. 16. C. 13. D. 23.

Câu 6. [TH] Kết quả của $(-24) + 35$ bằng:

- A. 11. B. 7. C. -7. D. 0.

Câu 7. [VD] Tập hợp tất cả các số nguyên x thỏa mãn $-2 \leq x < 2$ là

- A. $\{-1; 0; 1\}$. B. $\{-2; 0; 2\}$. C. $\{-2; -1; 0; 1\}$. D. $\{-1; 0; 1; 2\}$.

Câu 8. [NB] Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng là



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Cả ba hình. B. Hình 1 và hình 2
C. Hình 3 và hình 1. D. Hình 2 và hình 3.

Câu 9. [VD] Biết $x \cdot (-3) = -27$ khi đó giá trị của x là

- A. -9. B. 9. C. 81. D. -81.

Câu 10. [VD] Tổng của ba số nguyên tố là 1012 khi đó số nguyên tố nhỏ nhất trong ba số là

- A. 73. B. 13. C. 3. D. 2.

Câu 11. [NB] Hình chữ nhật có mấy trục đối xứng?

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 12. [VD] Bác Hòa uốn một sợi dây thép thành móc treo đồ có dạng hình vuông với độ dài cạnh bằng 25 cm. Bác Hòa cần dùng cuộn dây thép có độ dài là

- A. 10 m. B. 10 cm. C. 100 m. D. 100 cm.

II. Tự luận (7,0 điểm).

Câu 1 (1,5 điểm). Tính

a) [TH] $23 - (23 - 2022)$.

b) [TH] $4^5 : 4^3 - 8$.

c) [TH] $7 \cdot (-23) + 7 \cdot 23$.

Câu 2 (1,0 điểm). Tìm x , biết [TH]

a) $x - 2 = 1989$.

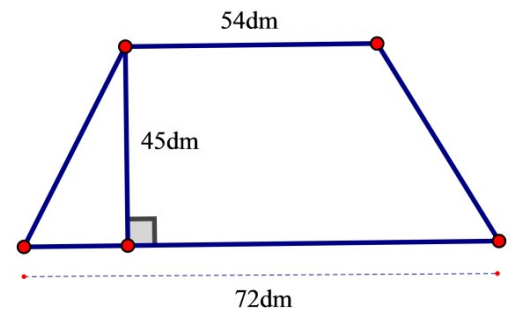
b) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$.

Câu 3 (2,0 điểm). [VD]

Số học sinh của một trường trung học cơ sở khi xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ. Biết số học sinh đó trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh. Tính số học sinh của trường trung học cơ sở đó?

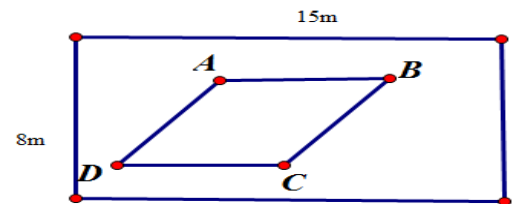
Câu 4 (1,5 điểm). [VD]

Bản thiết kế một hiên nhà được biểu thị bởi hình bên. Cần phải mua bao nhiêu mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà đó?



Câu 5 (1,0 điểm). [VDC]

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15 m, chiều rộng 8 m. Người ta trồng một vườn hoa hình thoi ở trong mảnh đất đó, biết diện tích phần còn lại là $75 m^2$. Tính độ dài đường chéo AC, biết $BD = 9 m$. (tham khảo hình vẽ bên)



---Hết---

ĐÁP ÁN CHẤM THI CUỐI KỲ I - TOÁN 6

Thời gian : 90 phút

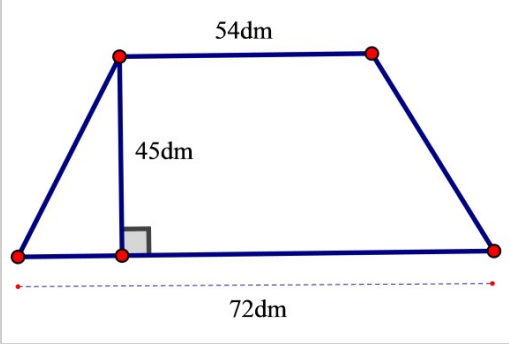
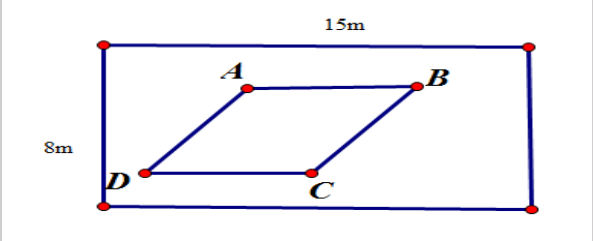
I. Trắc nghiệm. (3,0 điểm)

Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	C	C	B	A	C	D	B	D	A	D

II. Tự luận. (7,0 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
1	Tính a) $23 - (23 - 2022)$. b) $4^5 : 4^3 - 8$. c) $7 \cdot (-23) + 7 \cdot 23$.	1,5
a.	$23 - (23 - 2022) = 23 - 23 + 2022 = 0 + 2022 = 2022$.	0,5
b.	$4^5 : 4^3 - 8 = 4^2 - 8 = 16 - 8 = 8$.	0,5
c.	$7 \cdot (-23) + 7 \cdot 23 = 7 \cdot [(-23) + 23] = 7 \cdot 0 = 0$.	0,5
2	Tìm x, biết a) $x - 74 = 118$. b) $2x + 5 = 3^4 : 3^2$.	1,0
a.	$x - 2 = 1989$ $x = 1989 + 2$ $x = 1991$ Vậy $x = 1991$.	0,5
b.	$2x + 5 = 3^4 : 3^2$ $2x + 5 = 9$ $2x = 9 - 5$ $2x = 4$ $x = 2$ Vậy $x = 2$.	0,5
3	Số học sinh của một trường trung học cơ sở khi xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ. Biết số học sinh đó trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh. Tính số học sinh của trường trung học cơ sở đó?	2,0
	Gọi số học sinh của trường đó là a học sinh ($a \in N^*$) Theo đề bài do xếp hàng 12, 15, 18 đều vừa đủ và số học sinh đó trong khoảng từ 500 đến 600 học sinh nên $a : 12$; $a : 15$; $a : 18$ và $500 < a < 600$	0,5
	Vì $a : 12$; $a : 15$; $a : 18 \Rightarrow a \in BC(12, 18, 21)$ Có $12 = 2^2 \cdot 3$, $18 = 2 \cdot 3^2$, $21 = 3 \cdot 7$ $\Rightarrow BCNN(12, 18, 21) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 7 = 252$.	0,5
	$BC(12, 18, 21) = B(252) = \{0; 252; 504; 756; \dots\}$.	0,5
	Vì $a \in BC(12, 18, 21)$ và $500 < a < 600 \Rightarrow a = 504$ Vậy trường đó có 504 học sinh	0,5

4	<p>Bản thiết kế một hiên nhà được biểu thị bởi hình bên. Cần phải mua bao nhiêu mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà đó?</p> 	1,5
	<p>Cần phải mua số mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà là:</p> $\frac{(54 + 72) \cdot 45}{2} = \frac{5670}{2} = 2835 \text{ (dm}^2\text{)}$	1,5
5	<p>Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15 m, chiều rộng 8 m. Người ta trồng một vườn hoa hình thoi ở trong mảnh đất đó, biết diện tích phần còn lại là 75 m². Tính độ dài đường chéo AC, biết BD = 9 m. (tham khảo hình vẽ bên)</p> 	1,0
	<p>Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $15 \cdot 8 = 120 \text{ (m}^2\text{)}$.</p>	
	<p>Diện tích phần trồng hoa hình thoi là: $120 - 75 = 45 \text{ (m}^2\text{)}$</p>	
	<p>Độ dài đường chéo AC là $45 \cdot 2 : 9 = 10 \text{ (m)}$</p>	

---Hết---